TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HS-PT
Ngày: 12-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**;

Ông **Võ Minh Diệp**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Ngôn** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Quân** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 31/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Đặng Kim T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 130/2021/HS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Đặng Kim T, sinh ngày 17/10/1979; tại: huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Tiên X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị N *(đã chết)*; có vợ *(đã ly hôn)* và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 19/5/2021, chuyển sang tạm giam từ ngày 22/5/2021 đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Kim T và ông Nguyễn Tấn V là bạn học từ thời T học phổ thông. Vào khoảng tháng 3/2019, T, ông V và một người bạn là Đoàn Văn C cùng đi trên xe ô tô từ thành phố Tam Kỳ đến huyện Tiên Phước. Trên xe, T nói với ông V là T có một thửa đất thuộc sở hữu của T nằm tại giao lộ đường T - L, thuộc phường A, thành phố T nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện đang thế chấp trong

ngân hàng. Sau đó vài ngày, T có dẫn ông V đi xem thửa đất tại khu dân cư số T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi xem đất xong, T và ông V vào quán nhậu B trên đường Lý Thường Kiệt, thành phố Tam Kỳ để trao đổi việc chuyển nhượng đất. Tại đây, T có nói với ông V là giấy tờ đất đang thế chấp ở ngân hàng, đồng thời T có đưa cho ông V xem 01 bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung chứng nhận hộ ông Phạm Viết Th và bà Nguyễn Thị L được sử dụng 138,6m^2, thửa đất số 18, tờ bản đồ số 390/2000-ĐC, tại khu dân cư số T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam và 01 bản phô tô Hợp đồng đặt cọc với nội dung ngày 05/01/2017, ông Đặng Kim T đặt cọc tiền cho bà Lương Đoàn Thị Tố T *(dịch vụ nhà đất Vĩnh T)* để mua thửa đất số 18, tờ bản đồ số 390/2000-ĐC, tại khu dân cư số T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Sau đó, T nói với ông V là T sẽ bán thửa đất nêu trên cho ông V với giá 1.700.000.000 *(một tỷ bảy trăm triệu)* đồng, với điều kiện ông V phải đưa trước cho T hơn 100.000.000 *(một trăm triệu)* đồng để T rút số đỏ từ ngân hàng ra.

Sau đó khoảng 01 tuần, T, ông C và ông V ngồi nhậu tại quán nhậu B trên đường Lý Thường Kiệt, thành phố Tam Kỳ. Trong lúc nhậu, T có nói với ông V đưa trước 5.000.000 *(năm triệu)* đồng để T giải quyết công việc, coi như đó là tiền đặt cọc trước, làm tin cho việc mua bán đất giữa T và ông V. Ông V chạy xe máy về nhà lấy 5.000.000 *(năm triệu)* đồng đưa cho T ngay tại quán nhậu B, trước sự chứng kiến của ông C. Những ngày sau, T liên tục gọi điện thoại cho ông V, nói ông V đưa trước 100.000.000 *(một trăm triệu)* đồng để T rút số đỏ từ ngân hàng ra. Cuối tháng 3/2019, sau khi vay ngân hàng 150.000.000 *(một trăm năm mươi triệu)* đồng, ông V gọi điện thoại cho T nói là ra phường làm công chứng đặt cọc tiền thì T trả lời là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp trong ngân hàng nên công chứng không được, bạn bè quen biết tin nhau là chính, viết giấy nhận tiền bằng tay cũng được. Ông V tin lời T nên đã đồng ý. T hẹn ông V và bà Trần Thị C *(vợ ông V)* ngày 09/4/2019 sẽ ra thành phố Tam Kỳ nhận tiền cọc, nhưng vì bận công tác nên ông V đã gửi số điện thoại của T cho bà C để liên hệ và thực hiện giao dịch đặt cọc tiền mua bán đất với T.

Ngày 09/4/2019, bà C và ông Trần Thành T *(là cháu bà C)* đến quán cà phê Đ trên đường L, thuộc phường An Mỹ, thành phố Tam Kỳ gặp T. Tại đây, T đưa cho bà C 01 bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung chứng nhận hộ ông Phạm Viết Th và bà Nguyễn Thị L được sử dụng 138,6m^2, thửa đất số 18, tờ bản đồ số 390/2000-ĐC, tại khu dân cư số T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam và 01 bản phô tô Hợp đồng đặt cọc với nội dung ngày 05/01/2017, ông Đặng Kim T đặt cọc tiền cho bà Lương Đoàn Thị Tố T *(dịch vụ nhà đất Vĩnh T)* để mua thửa đất số 18, tờ bản đồ số 390/2000-ĐC, tại khu dân cư số T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. T nói với bà C, vì đây là đất của T mua ký gửi nên trong hợp đồng chỉ có tên của T và dịch vụ mua bán nhà đất Vĩnh T, đồng thời T hứa sẽ giao sổ đỏ cho vợ chồng bà C trong vòng 01 tháng sau. Bà C đã đặt cọc cho T với số tiền 150.000.000 *(một trăm năm mươi triệu)* đồng. T viết giấy nhận tiền cọc bán đất đưa cho bà C, trong đó thỏa thuận sau 01 tháng kể từ ngày 09/4/2019, T sẽ lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho vợ chồng bà C. Quá thời hạn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như

đã hẹn, T vẫn không thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất trên như thỏa thuận, vợ chồng bà C nhiều lần liên hệ nhưng T né tránh. Khoảng tháng 3/2020, vợ chồng bà C phát hiện thửa đất nêu trên đang được một người khác đăng tin rao bán trên các trang mạng xã hội. Biết mình bị lừa nên bà C đến cơ quan Công an để trình báo.

Quá trình điều tra, xác định: vào khoảng tháng 4/2016, Đặng Kim T quen biết và có quan hệ tình cảm với bà Ngô Thị N *(trú tại thành phố Đà Nẵng)*. Ngày 05/01/2017, bà N và T đặt cọc tiền tại dịch vụ nhà đất Vĩnh T để mua thửa đất số 18, tờ bản đồ số 390/2000-ĐC, tại khu dân cư số T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Ngày 20/02/2017, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Tam Kỳ điều chỉnh biến động chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho Đặng Kim T, theo hồ sơ số CN.246. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian đợi thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà N phát hiện bị cáo T có sự lừa dối tình cảm nên đã yêu cầu phía dịch vụ nhà đất Vĩnh T giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N. Vì vậy, sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đặng Kim T, bà Ngô Thị N là người cất giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên. Sau đó, bà N khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ về việc tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 18, tờ bản đồ số 390/2000-ĐC, tại khu dân cư số T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam đối với T. Tại Bản án sơ thẩm số 46/2018/DSST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ quyết định bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N về việc đòi lại tài sản. Ngày 29/8/2018, Bản án phúc thẩm số 49/2018/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị N, sửa Bản án sơ thẩm số 46/2018/DSST của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ. Giao cho bà N quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 390/2000-ĐC, tại khu dân cư số T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Ngày 17/9/2018, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Tam Kỳ nhận được đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất của bà Ngô Thị N kèm Bản án số 49/2018/DS-PT ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Ngày 01/10/2018, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Tam Kỳ thực hiện các thủ tục chuyển quyền sử dụng thửa đất số 18, tờ bản đồ số 390/2000-ĐC, tại khu dân cư số T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam từ Đặng Kim T sang cho bà Ngô Thị N. Ngày 30/12/2018, bà N làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 390/2000-ĐC thành thửa đất số 23, tờ bản đồ số 27 do lập bản đồ địa chính mới. Đến ngày 21/01/2019, bà N chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 27, tại khu dân cư số T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam cho ông Phan Thanh X *(trú tỉnh Bình Phước)*. Trước đó, ngày 05/01/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm ghi ngày 28/9/2018 của Đặng Kim T. Ngày 30/10/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ra Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 23/2019/KN-DS đối với Bản án phúc thẩm số 49/2018/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Đến ngày 29/4/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được Đơn rút kháng cáo ghi ngày 25/3/2020 của Đặng Kim T. Ngày 19/5/2020, Tòa án nhân dân cấp cao

tại Đà Nẵng nhận Đơn xin rút lại đơn rút kháng cáo ghi ngày 14/5/2020 của Đặng Kim T. Tuy nhiên, ngày 15/9/2020, Đặng Kim T có đơn rút Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm nên ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ra Quyết định số 06/2020/RKN-DS về việc rút kháng nghị giám đốc thẩm số 23/2019/KN-DS ngày 30/10/2019 và ra Quyết định số 07/2020/QĐ-GĐT về việc đình chỉ xét xử giám đốc thẩm vụ án dân sự *"Tranh chấp quyền sở hữu tài sản"* giữa bà Ngô Thị N và Đặng Kim T.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2021/HS-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*.

Tuyên bố bị cáo Đặng Kim T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*; xử phạt bị cáo Đặng Kim T 24 *(hai mươi bốn)* tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt, tạm giữ *(ngày 19/5/2021)*.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/12/2021, bị cáo Đặng Kim T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đặng Kim T có đơn kháng cáo trong hạn luật định theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp. Xét kháng cáo của bị cáo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tuyên phạt bị cáo 24 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ gì mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đặng Kim T có đơn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đặng Kim T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết và xin giảm nhẹ hình phạt.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: mặc dù,

biết quyền sử dụng đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 390/2000-ĐC, tại khu dân cư số T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Ngô Thị N kể từ ngày 29/8/2018 *(ngày Bản án dân sự phúc thẩm số 49/2018/DS-PT ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam có hiệu lực pháp luật)* nhưng bị cáo Đặng Kim T đã đưa ra thông tin gian dối là thửa đất nêu trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của bị cáo và bị cáo đang thế chấp tại ngân hàng, để vợ chồng ông Nguyễn Tấn V, bà Trần Thị C tin tưởng giao cho bị cáo số tiền đặt cọc tổng cộng là 155.000.000 đồng và chiếm đoạt số tiền này của vợ chồng ông V, bà C. Với hành vi nêu trên, bị cáo Đặng Kim T bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)* là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)* để làm căn cứ xử phạt bị cáo T 24 tháng tù là có căn cứ pháp luật và không nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[5] Bị cáo Đặng Kim T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Kim T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2021/HS-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam về phần hình phạt.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017);*

Xử phạt bị cáo **Đặng Kim T 02 *(hai)*** năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt, tạm giữ là ngày 19/5/2021.

Bị cáo Đặng Kim T phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án *(12/4/2022)*.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- CQTHAHS CA Tp. Tam Kỳ;
- CQCSĐT CA Tp. Tam Kỳ;
- VKSND Tp. Tam Kỳ;
- TAND Tp. Tam Kỳ;
- Trại tạm giam CA tỉnh Q.Nam;
- Chi cục THADS Tp. Tam Kỳ;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Q.Nam;
- Phòng HSNV Sở Tư pháp Q.Nam;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo